

41. Hoặc tận kiến Phật (惑盡見佛 - Hết phiền não sẽ gặp Phật)

Chánh kinh:

譬如轉輪聖王，有七寶獄，王子得罪，禁閉其中。層樓綺殿，寶帳金床。欄窗榻座，妙飾奇珍。飲食衣服，如轉輪王。而以金鎖繫其兩足。諸小王子，甯樂此不？慈氏白言：不也世尊。彼幽繫時，心不自在，但以種種方便，欲求出離。求諸近臣，終不從心。輪王歡喜，方得解脫。

Thí như Chuyển Luân thánh vương, hữu thất bảo ngục, vương tử đắc tội, cấm bế kỳ trung, tầng lầu, y điện, bảo trướng, kim sàng. Lan, song, tháp, tọa, diệu sức kỳ trân . Âm thực y phục, như Chuyển Luân Vương, nhi dĩ kim tỏa hệ kỳ lưỡng túc. Chư tiểu vương tử ninh nhạo thử phủ?

Từ Thị bạch ngôn: - Bất dã, Thế Tôn! Bĩ u trập thời, tâm bất tự tại, đản dĩ chủng chủng phương tiện, dục cầu xuất ly, cầu chư cận thân, chung bất tủng tâm. Luân Vương hoan hỷ, phương đắc giải thoát.

Thí như Chuyển Luân thánh vương có ngục bảy báu, vương tử đắc tội bị giam kín trong ấy. Lầu tầng, điện vẽ, màn báu, giường vàng, bao lơn, cửa sổ, sập, tòa, trang hoàng khéo léo, quý lạ; thức ăn, y phục đều như Chuyển Luân vương, nhưng dùng xích vàng xiềng hai chân. Các tiểu vương tử ấy có ưa thích chuyện ấy chăng?

- Thừa Thế Tôn, không ạ! Khi họ bị giam kín, tâm chẳng tự tại, chỉ toan dùng mọi phương tiện để mong thoát khỏi, cầu cạnh các cận thân, trọn chẳng dám buông lung. Luân Vương hoan hỷ thì mới được giải thoát.

Giải:

Phẩm này tiếp tục khuyên hành giả phải đoạn nghi trừ hoặc.

Trước hết, Phật dùng ngay chuyện vương tử bị tù làm thí dụ. Ngài Gia Tường nói: “*Chuyển Luân Thánh Vương ví cho Vô Lượng Thọ Phật. Cung điện bảy báu ví cho cõi Tịnh Độ. Vương tử mắc tội ví như người mắc tội nghi hoặc. Xích vàng ví như hoa sen chẳng nở. Thức ăn, y phục đều như Chuyển Luân vương là ví hành nhân ở trong hoa sen hưởng các sự khoái lạc tự tại...*”

“*Tầng lầu*” (層樓) là lầu gác nhiều tầng. “*Sàng*” (床) là chỗ để người ta ngồi hoặc nằm. “*Trướng*” (帳) là bức treo hay căng trên giường. “*Tháp*” (榻) cũng là một loại giường; loại giường dài, hẹp mà thấp thì gọi là “*tháp*”. “

Diệu sức kỳ trân” (Trang hoàng khéo léo, quý lạ) nghĩa là dùng các thứ kỳ trân dị bảo trang hoàng hết sức khéo léo.

Trong từ ngữ “*u trập*” thì U (幽) là tù tội, Trập (繫) là cầm giữ; như vậy, từ ngữ “*u trập*” giống với từ ngữ “*câu lưu*” (拘留) hiện thời.

Trong lời đáp, ngài Di Lặc trước hết thưa rằng: Hễ bị giam cầm thì thiếu hẳn niềm vui tự tại nên ai nấy đều dùng mọi phương tiện để mong thoát ra.

Chánh kinh:

佛告彌勒：此諸眾生，亦復如是。若有墮於疑悔，希求佛智，至廣大智。於自善根，不能生信。由聞佛名起信心故，雖生彼國，於蓮華中不得出現。彼處華胎，猶如園苑宮殿之想。何以故？彼中清淨，無諸穢惡。然於五百歲中，不見三寶，不得供養奉事諸佛，遠離一切殊勝善根。以此為苦，不生欣樂。若此眾生識其罪本，深自悔責，求離彼處。往昔世中，過失盡已，然後乃出。

Phật cáo Di Lặc: - Thử chư chúng sanh, diệc phục như thị. Nhược hữu đọa u nghi hối, hy cầu Phật trí, chí quảng đại trí. Ư tự thiện căn, bất năng sanh tín. Do văn Phật danh khởi tín tâm cố, tuy sanh bỉ quốc, u liên hoa trung bất đắc xuất hiện. Bỉ xử hoa thai, do như viên uyển cung điện chi tướng.

Hà dĩ cố? Bỉ trung thanh tịnh vô chư uế ác; nhiên u ngũ bách tuế trung, bất kiến Tam Bảo, bất đắc cúng dường phụng sự chư Phật, viễn ly nhất thiết thù thắng thiện căn. Dĩ thử vi khổ, bất sanh hân nhạo. Nhược thử chúng sanh thức kỳ tội bản, thâm tự hối trách, cầu ly bỉ xứ. Vãng tích thế trung, quá thất tận dĩ, nhiên hựu nãi xuất.

Phật bảo Di Lặc:

- Các chúng sanh kia cũng giống như thế. Nếu có kẻ do đọa vào nghi hối, mong cầu từ Phật trí cho đến quảng đại trí, chẳng thể sanh nổi lòng tin đối với thiện căn của chính mình; nhưng do nghe danh hiệu Phật phát khởi lòng tin thì tuy được sanh về cõi ấy, nhưng phải ở trong hoa sen chẳng được xuất hiện. Kẻ ấy ở trong hoa thai mà tưởng như đang ở trong vườn hoa, cung điện.

Vì sao thế? Trong ấy thanh tịnh, không có các uế ác, nhưng trong năm trăm năm chẳng thấy Tam Bảo, chẳng được cúng dường, phụng sự chư Phật, xa lìa hết thấy thiện căn thù thắng, nên coi đó là khổ, chẳng sanh lòng vui thích. Nếu những chúng sanh ấy biết rõ gốc tội của chính mình, tự hối trách sâu xa, cầu được thoát khỏi chốn đó thì khi những lỗi lầm trong đời trước đã hết sạch rồi, sau đây mới được thoát khỏi.

Giải:

Câu “*diệc phục như thị*” (cũng giống như vậy) là nêu sự việc để phối hợp với những ví dụ trong phần trước: “*Hoa thai*” tương ứng với “*thất bảo ngục*” (ngục bằng bảy báu); “*bát đắc xuất hiện*” (chẳng được xuất hiện) tương ứng với “*nhi dĩ kim tóa, hệ kỳ lưỡng túc*” (dùng xích vàng xiềng cả hai chân); “*do như viên uyển cung điện chi tướng*” (tưởng như đang ở trong vườn hoa, cung điện) tương ứng với “*tầng lâu ý điện... như Chuyên Luân Vương*” (lầu tầng, điện vẽ... như Chuyên Luân vương); “*bát sanh hân nhạo*” (chẳng sanh lòng ưa thích) tương ứng với “*vương tử bất lạc*” (vương tử chẳng vui). Từ câu “*thức kỳ tội bốn*” (biết gốc tội mình) cho đến “*nhiên hậu nãi xuất*” (sau đây mới được thoát khỏi) tương ứng với “*Luân vương hoan hỷ, phương đắc giải thoát*” (Luân Vương hoan hỷ mới được giải thoát).

Sách Tịnh Ảnh Sớ giảng: “*Ý nói Thai Sanh không có các nỗi khổ gì khác, chỉ vì trong năm trăm năm chẳng được thấy Tam Bảo, chẳng được tu thiện nên coi đó là khổ. Do có nỗi khổ đó nên dẫu vui mà chẳng thấy vui*”.

Ngài Nghĩa Tịch lại bảo: “*Do cầu sự vui thù thắng nên coi sự vui kém cõi là khổ; như ưa thích cái vui bậc thượng, chán cái vui hèn kém, nên coi đó là cái khổ về bậc thô. Tuy gọi là khổ, nhưng chẳng hề chịu khổ*”.

Trong tác phẩm Vô Lượng Thọ Kinh Sao, ngài Vọng Tây lại viết: “*Hỏi: Sanh vào Biên Địa là cái quả của tâm nghi hay là quả của việc tu thiện?*”

Đáp: Chính là quả của việc tu thiện, chứ chẳng phải là quả của tâm nghi. Nhưng do tâm nghi xen tạp nên đạt được cái quả chẳng thuần tịnh”.

Từ chữ “*nhược thử chúng sanh*” (nếu chúng sanh ấy) trở đi chính là lời khuyên đoạn nghi, biết tội, sám hối cầu thoát khỏi. Bản Ngụy dịch ghi chữ gốc tội (tội bản) là “*bổn tội*” (cái tội chánh yếu, tội căn bản). Sách Hội Sớ giảng: “*Bổn tội là tội nghi hoặc*”.

Ngài Vọng Tây bảo: “*Nghi năm trí của Phật thì gọi là tội bản, chứ chẳng phải là những nghiệp Thập Ác v.v...*”

Ngài Nghĩa Tịch giảng câu “*thâm tự hối trách*” (tự hối trách sâu xa) như sau: “*Nói đến hối trách thì tự xét kỹ cái tâm là Hối (悔); quả trách cái tâm mê là Trách (責)*”.

Ngài Vọng Tây còn bảo: “*Hết năm trăm năm rồi thì tức chương mỏng nhẹ, biết tội mình nên sanh hối trách. Do hối trách nên hết chương, liền đến được chỗ A Di Đà Phật*”.

Trong tác phẩm Lược Luận, ngài Đàm Loan cũng bảo: “*Biết gốc tội của mình, tự hối trách sâu xa, cầu thoát khỏi chốn ấy liền được như ý, lại thuộc vào ba bậc vãng sanh. Phải hết năm trăm năm rồi mới biết tội mà sám hối*”.

Cả hai vị Đàm Loan và Vọng Tây cùng cho rằng đến cuối thời gian năm trăm năm mới hối tội và được thoát khỏi Biên Địa.

Ngài Gia Tường lại nghĩ khác, trong Gia Tường Sớ, Ngài viết: “*Nói ‘thâm tự hối trách’ là ngụ ý: [Chúng sanh trong chốn Biên Địa] chẳng phải chỉ có một loại. Hễ sám hối liền được thoát khỏi, chẳng cần phải hối trách trọn cả năm trăm năm*”.

Thật ra, hai thuyết trên chẳng hề mâu thuẫn nhau. Cuối thời gian năm trăm năm mới biết tội, sám hối là nói về đa số người nơi Biên Địa; chẳng cần đợi đến năm trăm năm, hễ sám hối liền được thoát khỏi thì chính là nói đến những kẻ thượng căn.

“*Quá thất dĩ tận*” (Tội lỗi hết sạch) là khi những cái tội nghi hoặc trong quá khứ đã sám trừ hết sạch rồi thì mới được thoát khỏi nghi thành, gặp Phật, nghe pháp.

Như vậy là chẳng cần biết là trong thời gian năm trăm năm hay phải đến cuối thời gian ấy; cứ hễ khi nào tội lỗi cũ đã tiêu diệt hoàn toàn thì mới được giải thoát.

Chánh kinh:

即得往詣無量壽所，聽聞經法。久久亦當開解歡喜，亦得遍供無數無量諸佛，修諸功德。汝阿逸多，當知疑惑於諸菩薩為大損害，為失大利，是故應當明信諸佛無上智慧。

Tức đắc vãng nghệ Vô Lượng Thọ sở, thính văn kinh pháp. Cứu cứu diệc đương khai giải, hoan hỷ, diệc đắc biến cúng vô số vô lượng chư Phật, tu chư công đức. Nhữ A Dật Đa! Đương tri nghi hoặc u chư Bồ Tát vi đại tổn hại, vi thất đại lợi. Thị cố ưng đương minh tín chư Phật vô thượng trí huệ.

Liên được đến chỗ Vô Lượng Thọ Phật nghe giảng kinh pháp, lâu ngày cũng sẽ khai giải, hoan hỷ, cũng sẽ cúng dường khắp vô số vô lượng chư Phật, tu các công đức. Ông A Dật Đa! Nên biết rằng: Đối với các vị Bồ Tát, nghi hoặc chính là điều tổn hại lớn, là mất lợi ích lớn. Vì vậy, phải tin rành rẽ vào trí huệ vô thượng của chư Phật.

Giải:

Ngài Gia Tường giảng câu “*tức đắc vãng nghệ Vô Lượng Thọ sở*” (liên được đến chỗ Phật Vô Lượng Thọ) như sau: “*Tức đắc nghĩa là chẳng cách trở về mặt thời gian*”, ý nói: Vừa ra khỏi hoa sen thì ngay lập tức diện kiến đức Phật, nghe pháp, chẳng cần phải mất chút thời khắc nào.

“*Cứu cứu diệc đương khai giải hoan hỷ*” (Lâu dần cũng sẽ được khai giải, hoan hỷ) nghĩa là: Người ấy do đòi trước “*trí huệ bất minh, tri kinh phục thiếu*” (trí huệ chẳng sáng suốt, biết kinh càng ít hơn nữa) nên nay tuy được đích thân gặp Phật Di Đà, tai nghe lời giáo huấn của Phật, nhưng tâm cầu chưa trừ, tình chấp, kiến chấp vẫn còn. Bởi thế cần phải đa văn huân tập, tăng trưởng trí huệ thì mới có thể tin hiểu được lời Phật. Vì thế, kinh nói: “*Cứu cứu diệc đương khai giải hoan hỷ*” (Lâu ngày cũng sẽ được khai giải, hoan hỷ).

“*Khai giải*” (開解) là tâm khai đắc giải. “*Hoan hỷ*” (歡喜) là nghe pháp liền lãnh hội nên tự nhiên hoan hỷ.

“*Diệc đắc biến cúng*” (Cũng được cúng khắp) chính là như ngài Đàm Loan giảng: “*Liên được như ý, lại thuộc vào ba bậc vãng sanh*”,

đầy đủ các thần thông cúng trọn khắp các đức Phật, tùy ý tu tập các công đức đúng như bốn nguyện của Phật Di Đà.

“*A Dật Đa*” (Ajita) là tên của ngài Từ Thị. Đức Thích Ca lại kêu tên Ngài lần nữa để cảnh tỉnh đại chúng chuyên tâm lắng nghe. “*Đương tri nghi hoặc u chư Bồ Tát vi đại tổn hại, vi thất đại lợi. Thị cố ưng đương minh tín chư Phật vô thượng trí huệ*” (Nên biết rằng: Đối với các Bồ Tát, nghi hoặc là điều tổn hại lớn, là đánh mất lợi ích lớn. Vì vậy, phải tin rành rẽ vào trí huệ vô thượng của chư Phật).

Đối với vấn nạn “*vì sao Bồ Tát còn có nghi hoặc*”, sách Vô Lượng Thọ Kinh Sao viết: “*Phải chăng là phạm phu Đại Thừa mà gọi là Bồ Tát? Hoặc là nói giả dụ: Nếu Bồ Tát mà còn có nghi hoặc thì cũng bị mất lợi ích lớn nên phạm phu lại càng phải tin rành rẽ [vào Phật trí] vậy*”.

Lời bàn trên rất khiêm nhường, chưa dám quyết đoán. Theo ý người viết, cả hai thuyết nêu trong tác phẩm trên đều đúng:

1. Thứ nhất là bọn chúng ta tuy là phạm phu đầy đầy, nhưng nếu có thể chân thật phát khởi Bồ Đề tâm thì chính là Sơ Phát Tâm Bồ Tát. Sách Luận Chú nói: “*Tâm Bồ Đề vô thượng này chính là tâm nguyện làm Phật. Tâm nguyện làm Phật chính là tâm độ chúng sanh. Tâm độ chúng sanh chính là tâm nhiếp thủ chúng sanh sanh về cõi có Phật*”. Hành nhân Tịnh nghiệp nếu phát được cái tâm như thế thì cũng chính là sơ phát tâm Bồ Tát. Ngài Thiên Thai bảo Bồ Tát thuộc Tín vị (thuộc những địa vị trong Thập Tín) trong Biệt giáo giống như những sợi tơ trên không trung lơ lửng vô định. Vì thế, Sơ Phát Tâm Bồ Tát thật sự còn có nguy cơ bị thoái đọa.

2. Thứ hai là “*nói giả dụ*”, nghĩa là dù thật sự là Bồ Tát mà nếu sanh lòng nghi hoặc thì cũng bị mất lợi lớn. Do đó, bọn phạm phu chúng ta càng lại chẳng nên sanh nghi.

Vì thế, cả hai thuyết này chẳng hề mâu thuẫn nhau.

“*Đại lợi*” (Lợi lớn) chính là “*cái lợi chân thật*” như trong kinh đã dạy. Thập phương Bạc Già Phạm (Thế Tôn) trụ trong Chân Thật Huệ để khai hóa, hiển thị Chân Thật Tế “*dục chứng quần manh, huệ dĩ chân thật chi lợi, nan trị, nan kiến, như Ưu Đàm hoa hy hữu xuất hiện*” (muốn cứu vớt quần manh, ban cho cái lợi chân thật, khó gặp, khó thấy như hoa Ưu Đàm ít khi xuất hiện). Nay đáng khó gặp đã được gặp, điều khó nghe đã được nghe mà chẳng tin nhận thì thật là bội bạc ơn Phật nên bảo là “*vi thất đại lợi*” (mất lợi ích lớn).

Hơn nữa, pháp môn Tịnh Độ: Nhất Thừa nguyện hải, sáu chữ hồng danh, tín nguyện trì danh chứng ngay lên Bất Thoái đây chính là điều chân thật nhất trong những điều chân thật, là điều lợi lớn lao nhất trong những điều lợi lớn lao. Chẳng tin pháp này thì vĩnh viễn đánh mất cái lợi lớn.

Kinh Thiên Thủ dạy: “*Nhược u thử đà-ra-ni sanh nghi bất tín giả, đương trì kỳ nhân vĩnh thất đại lợi. Bách thiên vạn kiếp trung, luân chuyển ác thú, vô hữu xuất kỳ, thường bất kiến Phật, bất văn pháp, bất đồ tăng*” (Nếu đối với đà-ra-ni này mà sanh nghi chẳng tin thì nên biết rằng người ấy vĩnh viễn đánh mất cái lợi lớn. Trong trăm ngàn muôn kiếp luân hồi trong nẻo ác, chẳng có lúc ra, thường chẳng thấy Phật, chẳng nghe pháp, chẳng gặp Tăng). Câu kinh này đã chỉ rõ nghi hoặc là “*vi đại tổn hại*” (điều tổn hại lớn).

Trái lại thì như kinh Thập Vãng Sanh đã nói: “*Nhược hữu thiện nam tử, thiện nữ nhân, chánh tín thị kinh, ái nhạo thị kinh, quán đạo chúng sanh, thuyết giả, thính giả, tất giai vãng sanh A Di Đà Phật quốc. Nhược hữu như thị đẳng nhân, ngã từng kim nhật thường sử nhị thập ngũ Bồ Tát hộ trì thị nhân, thường linh thị nhân vô bệnh, vô não. Nhược nhân, nhược phi nhân, bất đắc kỳ tiện. Hành, trụ, tọa, ngọa, vô vấn trú dạ, thường đắc an ổn*” (Nếu có thiện nam tử, thiện nữ nhân chánh tín kinh này, yêu mến kinh này, quán sát, dẫn dắt chúng sanh thì kẻ nói, người nghe đều được vãng sanh cõi A Di Đà Phật. Nếu có những người như vậy thì từ hôm nay, ta thường sai hai mươi lăm vị Bồ Tát hộ trì những người ấy, thường khiến cho họ không bệnh tật, không khổ não, dù là người hay phi nhân chẳng có dịp khuấy nhiễu họ. Đi, đứng, nằm, ngồi, bất luận là ngày hay đêm thường được an ổn).

Câu kinh này đã nêu rõ điều đại lợi do tin nhận. Điều nào nên bỏ, điều nào nên thuận theo, xin hãy khéo suy nghĩ kỹ!

Tiếp đó, kinh nói đến cái tai hại lớn của việc nghi báng. Kinh Thập Vãng Sanh còn dạy:

“*U hậu Diêm Phù Đề, hoặc hữu tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni, kiến hữu độc tụng thị kinh giả, hoặc tương sân khuể, tâm hoại phỉ báng. Do thị báng chánh pháp cố, thị nhân hiện thân chi trung, lai trí chư ác trọng bệnh, thân căn bất cụ, lung, manh, ám, á, thủy thũng, quý mị, tọa, ngọa bất an, cầu sanh bất đắc, cầu tử bất đắc, hoặc nãi trí tử, đọa u địa ngục. Bất vạn kiếp trung, thọ đại khổ não, bách thiên vạn thế, vị tăng văn thủy thực chi danh. Cữu hậu đắc xuất, tại ngưu, mã, trư, dương, vị nhân sở*

sát, thọ đại khổ não. Hậu đắc vi nhân, thường sanh hạ xứ, bách thiên vạn thế bất đắc tự tại, vĩnh bất văn Tam Bảo danh tự. Thị cố, vô trí vô tín nhân trung, mặc thuyết thị kinh dã” (Sau này trong Diêm Phù Đề có tỳ-kheo hoặc là tỳ-kheo ni thấy có người đọc tụng kinh này mà nếu sanh lòng giận dữ, ôm lòng phỉ báng thì do báng chánh pháp, ngay nơi thân hiện đời của người ấy sẽ phát ra các bệnh nặng nề, thân căn chẳng đầy đủ, điếc, mù, câm, ngọng, thủy thũng, quỉ my, nằm, ngồi chẳng yên, cầu sống chẳng được, cầu chết không xong. Hoặc đến khi chết đọa vào địa ngục, trong tám vạn kiếp chịu đại khổ não. Trăm ngàn ức đời, chưa từng nghe danh từ cơm, nước. Mãi lâu sau mới được thoát ra, sanh làm trâu, ngựa, lợn, dê, bị người ta giết hại, chịu đại cực khổ. Sau đấy mới được làm thân người, thường sanh vào nhà hèn hạ, trăm ngàn vạn đời chẳng được tự tại, trọn chẳng được nghe danh tự Tam Bảo. Vì thế đối với những kẻ vô tín, vô trí, chớ nói kinh này).

Tôi dẫn kèm thêm hai kinh trên đây để chứng tỏ rõ nghi hay tin tuy chỉ thuộc trong một niệm của đương cơ, nhưng chúng tạo thành họa hay phước khác nhau một trời, một vực, bao kiếp vô tận. Bởi thế, Phật mới dạy: “*Ung đương minh tín chu Phật vô thượng trí huệ*” (Phải nên tin rành rẽ vào trí huệ vô thượng của chu Phật).

Chánh kinh:

慈氏白言：云何此界一類眾生，雖亦修善，而不求生？佛告慈氏：此等眾生，智慧微淺。分別西方，不及天界，是以非樂，不求生彼。慈氏白言：此等眾生，虛妄分別。不求佛剎，何免輪迴。

Từ Thị bạch ngôn: “*Vân hà thử giới nhất loại chúng sanh, tuy diệc tu thiện, nhi bất cầu sanh?*” **Phật cáo Từ Thị:** “*Thử đẳng chúng sanh, trí huệ vi thiểu, phân biệt Tây phương, bất cập thiên giới, thị dĩ phi lạc, bất cầu sanh bỉ*”. **Từ Thị bạch ngôn:** “*Thử đẳng chúng sanh, hư vọng phân biệt, bất cầu Phật sát, hà miễn luân hồi*”.

Ngài Từ Thị bạch rằng: - Vì sao có hạng chúng sanh trong cõi này tuy cũng tu thiện mà chẳng cầu sanh?

Phật bảo Từ Thị: - Bọn chúng sanh ấy trí huệ ít ỏi, nông cạn, phân biệt rằng Tây phương chẳng bằng cõi trời; vì thế cho là không vui nên chẳng cầu sanh về đấy.

Từ Thị bạch rằng: - Bọn chúng sanh ấy phân biệt hư vọng! Chẳng cầu sanh về cõi Phật, làm sao thoát khỏi luân hồi?

Giải:

Từ Thị đại sĩ do lòng Vô Duyên Đại Từ, xót nghĩ đến một hạng chúng sanh trong đời sau tuy cũng tu thiện nhưng chẳng cầu sanh Tây Phương Tịnh Độ nên Ngài mới nêu lời hỏi ấy.

Phật đáp: Bọn chúng sanh ấy trí huệ thiếu khuyết, mê luyến cái phước trong cõi trời người nên chẳng nguyện sanh. Ngài Từ Thị lại thưa: “*Bất cầu Phật sát, hà miễn luân hồi?*” (Chẳng cầu sanh về cõi Phật, làm sao thoát khỏi luân hồi?) Câu này có đến hai nghĩa:

1. Một là chuyên chỉ về hạng chúng sanh vừa mới nói trên đây: Bọn họ suy nghĩ lầm lạc, cho rằng sự vui nơi cõi Tây phương chẳng thể bằng nỗi sự vui cõi trời. Phân biệt hư vọng như thế nên chẳng cầu sanh Tịnh Độ; chẳng biết rằng do phước tu thiện tuy được sanh thiên nhưng sau khi tuổi thọ cõi trời đã hết thì lại bị luân hồi.

2. Hai là chỉ chung hành nhân các tông tuy tinh tấn tu trì, nhưng nếu chẳng lấy Tịnh Độ của Phật Di Đà làm chỗ quy túc, chuyên cậy vào tự lực thì khó lòng dứt trọn sanh tử ngay trong đời này, ắt phải thọ thân sau, nên ngài Di Lạc mới nói: “*Hà miễn luân hồi?*” (Làm sao thoát khỏi luân hồi?)

Chánh kinh:

佛言：彼等所種善根，不能離相，不求佛慧，深著世樂，人間福報。雖復修福，求人天果，得報之時，一切豐足，而未能出三界獄中。假使父母、妻子、男女眷屬，欲相救免，邪見業王，未能捨離，常處輪迴，而不自在。

Phật ngôn: - Bĩ đẳng sở chủng thiện căn, bất năng ly tướng, bất cầu Phật huệ, thâm trược thế lạc, nhân gian phước báo. Tuy phục tu phước, cầu nhân thiên quả, đắc báo chi thời, nhất thiết phong túc, nhi vị năng xuất tam giới ngục trung. Giả sử phụ mẫu, thê tử, nam nữ, quyến thuộc, dục tương cứu miễn, tà kiến nghiệp vương, vị năng xả ly, thường xử luân hồi, nhi bất tự tại.

Phật dạy: - Bọn họ gieo trồng thiện căn chẳng thể ly tướng, chẳng cầu Phật huệ, tham đắm sâu đậm niềm vui thế gian và phước báo nhân gian. Tuy là tu phước lại cầu quả nhân thiên, khi được hưởng báo, được hết thấy dư dật, nhưng chưa thể thoát khỏi nhà ngục tam giới. Giả sử cha mẹ, vợ con, nam nữ, quyến thuộc muốn cứu vớt nhau, nhưng chưa thể lìa bỏ tà kiến nghiệp vương, nên thường ở trong luân hồi, chẳng được tự tại.

Giải:

Từ chữ “*Phật ngôn*” trở đi, Phật lại dạy rõ những điều lợi, hại, được mất của việc ly tướng và chấp tướng. Chấp tướng tu phước thì khó tránh khỏi luân hồi. Ly tướng cầu sanh vĩnh viễn được giải thoát.

Trong đoạn này, trước hết Phật nói đến việc chấp vào phước thế gian, chẳng thể thoát khỏi luân hồi. Bọn chúng sanh ấy tuy trồng các căn lành nhưng tham đắm phước báo nhân thiên, chẳng thể ly tướng, chẳng cầu trí huệ của Phật “*tuy phục tu phước, cầu nhân thiên quả*” (tuy vẫn tu phước [mà] cầu quả nhân thiên) nên chẳng thể thoát khỏi ngục tam giới.

“*Đắc báo chi thời, nhất thiết phong túc*” (Khi hưởng báo, được hết thấy dư dật) là tạm hưởng sự vui thế gian, nhưng hết phước lại bị đọa, hậu hoạn vô cùng. Sau khi mạng chung, dẫn thân quyến vì mình sám hối tội lỗi cầu phước, tu pháp, tụng kinh hầu cứu độ cho, nhưng vì kẻ ấy cội rễ tà kiến sâu chắc, chấp mê chẳng ngộ do bởi “*tà kiến nghiệp vương, vị năng xả ly*” (chưa thể lìa bỏ tà kiến nghiệp vương). Bởi tà kiến nên chẳng sanh chánh tín; do đó, tà kiến đúng là vua của các ác nghiệp nên mới gọi là “*tà kiến nghiệp vương*”. Bởi thế, “*thường xử luân hồi, nhi bất tự tại*” (thường ở trong luân hồi, chẳng được tự tại).

Chánh kinh:

汝見愚痴之人，不種善根，但以世智聰辯，增益邪心。云何出離生死大難。

Nhữ kiến ngu si chi nhân, bất chủng thiện căn, dĩn dĩ thế trí thông biện, tăng ích tà tâm. Vân hà xuất ly sanh tử đại nạn?

Ông có thấy: Kẻ ngu si chẳng trồng căn lành, chỉ cậy vào thế trí thông biện để tăng thêm tà tâm thì làm sao thoát khỏi đại nạn sanh tử?

Giải:

Hạng người được nói đến trong đoạn này còn nặng hơn hạng trên. Hạng trên còn tu thiện, chỉ vì cầu phước báo thế gian nên chẳng thoát khỏi luân hồi; còn hạng người được nói đến trong đoạn này còn ngu si hơn nữa: Chẳng trồng căn lành, trái lại còn cạy vào Thệ Trí Biện Thông¹⁰⁰, kiêu mạn, tự đại, chẳng sanh chánh tín, khiến tà tâm càng thêm lớn. Họ chẳng biết rằng Thệ Trí Biện Thông chính là một trong tám nạn. Tà kiến điên đảo lại tưởng là hay. Hạng người như thế làm sao thoát nổi biển khổ sanh tử!

Chánh kinh:

復有眾生，雖種善根，作大福田。取相分別，情執深重。求出輪迴，終不能得。若以無相智慧，植眾德本。身心清淨，遠離分別。求生淨刹，趣佛菩提。當生佛刹，永得解脫。

Phục hữu chúng sanh, tuy chủng thiện căn, tác đại phước điền, thủ tướng phân biệt, tình chấp thâm trọng, cầu xuất luân hồi, chung bất năng đắc. Nhược dĩ vô tướng trí huệ, thực chúng đức bản. Thân tâm thanh tịnh, viễn ly phân biệt, cầu sanh tịnh sát, thú Phật Bồ Đề, đương sanh Phật sát, vĩnh đắc giải thoát.

Lại có chúng sanh tuy trồng thiện căn, làm đại phước điền, nhưng chấp tướng phân biệt, tình chấp sâu nặng, cầu thoát luân hồi trọn chẳng thoát nổi. Nếu dùng vô tướng trí huệ trồng các cội đức, thân tâm thanh tịnh, xa lìa phân biệt, cầu sanh về cõi tịnh, hướng đến quả Bồ Đề của Phật thì sẽ sanh về cõi Phật, vĩnh viễn được giải thoát.

Giải:

Phật đáp lời ngài Từ Thị: Nói chung, chúng sanh trong cõi này tuy cũng tu thiện nhưng chẳng chịu cầu sanh Tịnh Độ thì có ba hạng:

- 1) Một là tham đắm vào phước lạc thế gian, cầu quả nhân thiên
- 2) Hai là Thệ Trí Biện Thông, tà tâm lừng lẫy.

¹⁰⁰ Kinh này ghi là “Thệ Trí Thông Biện” nhưng trong các kinh khác, thường gọi là Thệ Trí Biện Thông nên chúng tôi cũng ghi theo danh xưng phổ biến.

3) Ba là hạng “*thủ tướng phân biệt, tình chấp thâm trọng*” (chấp tướng phân biệt, tình chấp sâu nặng).

Ba hạng người như vậy dẫu tu phước thì chỉ đạt được phước báo thế gian, khác nào mộng, huyễn, bọt nước, hình bóng thoáng qua, chớp mắt đã hết. Vì thế, “*cầu xuất luân hồi, chung bát năng đắc*” (cầu thoát luân hồi, trọn chẳng thể thoát nổi).

Trong câu “*phục hữu chúng sanh, tuy chủng thiện căn, tác đại phước điền*” (lại có chúng sanh tuy trồng thiện căn, làm đại phước điền), chữ “*đại phước điền*” nghĩa là trì danh hiệu Phật bởi trì danh là vua của các điều thiện nên ruộng phước ấy mới đáng gọi là đại phước điền. Hiềm vì kẻ đó “*thủ tướng phân biệt, tình chấp thâm trọng*” nên tuy niệm Phật cũng chẳng thoát nổi luân hồi.

Ba bậc vãng sanh được dạy trong kinh này đều do phát Bồ Đề tâm, một bề chuyên niệm A Di Đà Phật. Tâm Bồ Đề chính là đại trí, đại bi, đại nguyện, tâm viên dung nhất thể.

“*Tình chấp thâm trọng*” chính là ngu si, làm sao gọi là đại trí được? “*Thủ tướng phân biệt*” là còn có lấy, bỏ, cho nên làm sao có thể hưng khởi nổi vô duyên đại từ, đồng thể đại bi? Hạng người như thế làm sao có thể phát khởi tâm Bồ Đề? Do đó, dẫu niệm Phật cũng chẳng thuộc vào ba bậc vãng sanh nổi!

Ngẫu Ích đại sư dạy nếu niệm Phật mà chẳng có tín nguyện thì cũng chẳng thể vãng sanh, thật tương đồng với ý kinh dạy ở đây. Hơn nữa, chấp tướng tu phước thì phước ấy có cùng tận, như kinh Kim Cang đã dạy: “*Ứng vô sở trụ hành u bố thí, sở vị: Bất trụ Sắc bố thí, bất trụ Thanh, Hương, Vị, Xúc, Pháp bố thí. Tu Bồ Đề! Bồ Tát ưng như thị bố thí, bất trụ u tướng. Hà dĩ có? Nhược Bồ Tát bất trụ tướng bố thí, kỳ phước đức bất khả tư lượng*” (Hãy nên không trụ vào đâu cả mà hành bố thí, tức là: Chẳng trụ vào Sắc để bố thí, chẳng trụ vào Thanh, Hương, Vị, Xúc, Pháp để bố thí. Nay Tu Bồ Đề! Bồ Tát nên bố thí như vậy, chẳng trụ vào tướng. Vì sao thế? Bồ Tát chẳng trụ vào tướng mà bố thí thì phước ấy chẳng thể suy lường nổi).

Trong tác phẩm Phá Không Luận, đại sư Linh Phong giảng câu kinh ấy như sau: “*Lấy pháp không trụ vào đâu cả để trụ vào Bát Nhã, chăm chăm thực hành sáu Ba La Mật mà chẳng chấp tướng. Bởi thế có thể khiến cho chút phước thành nhiều như hư không...*”

Do trụ vào tướng nên chúng sanh tự hư vọng so nhân, tính quả, xét lớn, xét nhỏ. Nếu có thể xứng hợp với tánh mà trụ thì chẳng trụ vào

các tướng. Ví như tánh của hư không chứa đựng trong hạt cải cùng với tánh của hư không trong mười phương không hai, không khác, vì hư không chẳng phải là trong, ngoài, đây, kia, phương, góc, hình tướng, Tiểu Không cũng lại chẳng khác với Đại Không. Cái phước vô tướng ấy rất lớn”.

Kinh Kim Cang còn dạy: “*Nhược tâm thủ tướng, tức vi trước ngã, nhân, chúng sanh, thọ giả*” (Nếu tâm chấp tướng thì chấp vào ngã, nhân, chúng sanh, thọ giả). Kinh còn dạy thêm: “*Nhược Bồ Tát hữu ngã tướng, nhân tướng, chúng sanh tướng, thọ giả tướng, tức phi Bồ Tát*” (Nếu Bồ Tát có tướng ta, tướng người, tướng chúng sanh, tướng thọ giả thì chẳng phải là Bồ Tát).

Trên đây, tôi đã dẫn nhiều đoạn trong kinh Kim Cang Bát Nhã để nói lên cái hại của việc chấp tướng phân biệt. Bởi đó, ở đây, Phật mới dạy: “*Cầu xuất luân hồi, chung bất năng đắc*” (Cầu thoát luân hồi, trọn chẳng thể thoát nổi).

Cuối đoạn này, Phật lại dạy: “*Nhược dĩ vô tướng trí huệ, thực chứng đức bốn*” (Nếu dùng trí huệ vô tướng trông các cội đức) cầu sanh Tịnh Độ thì vĩnh viễn được giải thoát. Gốc của các đức chính là phát Bồ Đề tâm, một dạ chuyên niệm.

Hơn nữa, “*vô tướng*” chính là không có năm trần: Sắc, Thanh... không có mười tướng: nam, nữ, sanh, trụ, hoại, diệt... thì gọi là vô tướng.

Kinh Bát Nhã cũng dạy: “*Niết Bàn danh vi vô tướng*” (Niết Bàn gọi là vô tướng). Sách Diển Nghĩa Sao có câu: “*Nghĩa của tịch diệt chính là vô tướng; nhưng [tịch diệt] chỉ do tâm tự chứng, chứ chẳng thể từ cái khác mà có được cho nên không có các tướng*”.

Như kinh Kim Cang dạy: “*Phàm sở hữu tướng, giai thị hư vọng. Nhược kiến chư tướng phi tướng, tức kiến Như Lai*” (Hễ cái gì có tướng thì đều là hư vọng. Nếu thấy các tướng chẳng phải là tướng thì chính là thấy Như Lai) và: “*Ly nhất thiết chư tướng, tức danh chư Phật*” (Lìa hết thấy tướng thì gọi là chư Phật). Đấy đều chính là “*vô tướng trí huệ*” được nói trong phẩm kinh này.

Các câu kinh từ câu: “*Nhược dĩ vô tướng trí huệ, thực chứng đức bốn*” (Nếu dùng trí huệ vô tướng trông các cội đức) cho đến “*vĩnh đắc giải thoát*” (vĩnh viễn được giải thoát) đều nói lên diệu chỉ “*vô ngã, vô nhân, vô chúng sanh, vô thọ giả tu hết thấy thiện pháp thì chính là Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác*” của kinh Kim Cang.

Tác phẩm Phá Không Luận giảng về điều này như sau: “*Vì nếu chẳng hiểu thấu vô ngã mà tu hết thấy thiện pháp thì chỉ trở thành cái quả hư nguy trong cõi nhân thiên. Chẳng tu hết thấy thiện pháp, chỉ chứng Ngã Không thì chỉ thành Nhị Thừa Tiểu Quả. Vờ nói rằng ngã pháp đều không nhưng mặc tình gây các ác pháp thì trở thành hạng Xiển-đề, địa ngục. Chỉ có vô ngã tu hết thấy thiện pháp thì mới đúng là ‘chẳng trụ vào đâu mà sanh tâm’ nên liền đắc vô thượng Bồ Đề*”.

So sánh hai kinh với nhau thì những điều như “*vô tướng trí huệ*”, “*viễn ly phân biệt*” trong kinh này chính là “*vô ngã, vô nhân, vô chúng sanh, vô thọ giả*” của kinh Kim Cang; những điều như “*thực chứng đức bốn*” (trồng các cội đức), “*cầu sanh tịnh sát, thú Phật Bồ Đề*” (cầu sanh cõi tịnh, hướng đến Phật Bồ Đề) trong kinh này chính là “*tu hết thấy pháp lành*” được nói trong kinh Kim Cang. Ngoài ra, “*đương sanh Phật sát, vĩnh đắc giải thoát*” (sẽ sanh về cõi Phật, vĩnh viễn được giải thoát) chính là “*liền đắc Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác*” trong kinh Kim Cang.

Và lại, Tịnh Độ chính là pháp mà hết thấy thế gian khó thể tin được nổi mà tin được pháp này thì đó chính là trí huệ vô tướng như kinh Kim Cang dạy: “*Văn thị chương cú, nãi chí nhất niệm sanh tịnh tín giả... Thị chư chúng sanh vô phục ngã tướng, nhân tướng, chúng sanh tướng, thọ giả tướng*” (Nghe chương cú này đầu chỉ sanh lòng tin thanh tịnh trong một niệm... thì các chúng sanh ấy chẳng còn có ngã tướng, nhân tướng, chúng sanh tướng, thọ giả tướng nữa).

Kinh còn nói: “*Kỳ hữu chúng sanh đắc văn thị kinh, tín giải thọ trì, thị nhân tức đệ nhất hy hữu, hà dĩ cố? Thử nhân vô ngã tướng, vô nhân tướng, vô chúng sanh tướng, vô thọ giả tướng*” (Nếu có chúng sanh được nghe kinh này, tin hiểu, thọ trì, thì người ấy chính là hy hữu bậc nhất, vì sao vậy? Người ấy không có ngã tướng, không có nhân tướng, không có chúng sanh tướng, không có thọ giả tướng).

Sách Phá Không Luận giảng: “*Giả sử còn có chút xíu nhân tướng, ngã tướng v.v... thì quyết chẳng thể tin nổi kinh này. Dầu cho có tin hiểu, thọ trì kinh này thì quyết chẳng hiểu thông suốt các tướng: bản thể của nhân, ngã... chính là vô tướng*”.

Do đó ta thấy rằng toàn thể của diệu đức “*năng tín*” chính là vô tướng trí huệ. Tịnh tông chính là pháp môn vi diệu tối cực viên đốn, siêu tình ly kiến chẳng thể nghĩ bàn. Nếu ai có thể sanh được lòng tin chân thật nơi pháp môn này: tin Sự, tin Lý, tin Tự, tin Tha, tin Nhân, tin Quả,

đầy đủ cả sáu thứ tín như thế; nên biết là người ấy đã siêu tình ly kiến, đã khế hợp với trí huệ vô tướng.

Bởi đó, trong phẩm Độc Lưu Thử Kinh (riêng lưu lại kinh này) trong kinh đây có nói: *“Nhược văn thử kinh, tín nhạo thọ trì, nan trung chi nan, vô quá thử nan”* (Nếu nghe kinh này tin ưa thọ trì thì là điều khó nhất trong những điều khó, không có gì khó hơn việc này). Ở phần trước, kinh đã nói *“thủ tướng phân biệt”* tuy gieo đại phước điền *“câu xuất luân hồi, chung bất năng đắc”* (câu thoát luân hồi, trọn chẳng thể thoát nổi) là nói đến cái hại của việc chấp tướng. Trong phần này, kinh dạy *“nhược dĩ vô tướng trí huệ, thực chúng đức bốn”* (nếu dùng trí huệ vô tướng trông các cõi đức), *“đương sanh Phật sát, vĩnh đắc giải thoát”* (sẽ sanh về cõi Phật, vĩnh viễn được giải thoát) chính là giảng về công năng của việc ly tướng cầu sanh. Thuộc vào trong ba bậc hay bị đọa trong nghi thành hoàn toàn ở điểm mấu chốt này, hãy nên xét kỹ để tự định đoạt lấy.

“Thân tâm thanh tịnh, viễn ly phân biệt” là vô tướng trí huệ, vạn pháp đều giống hệt như nhau, nhiễm - tịnh bình đẳng nên thân tâm thanh tịnh. Hết thấy đều Như nên lìa phân biệt. Hơn nữa, niệm Phật *“đo nhiếp lục căn, tịnh niệm tương kế”* (nhiếp trọn sáu căn, tịnh niệm tiếp nối). Vì nhiếp trọn sáu căn nên thân tâm thanh tịnh, tịnh niệm tiếp nối nên lìa phân biệt.

Lại có kẻ nghi rằng Tịnh tông lấy “nhàm chán Sa Bà, ưa cầu Cực Lạc” làm nguyện, chán - ưa như thế thì chẳng phải là phân biệt hay sao?

Sách Diệu Tông Sao đáp: *“Đạt đến chỗ cùng cực thì lấy bỏ và chẳng lấy bỏ cũng chẳng sai khác gì”*. Ấy là vì bỏ đến chỗ cùng cực thì vạn duyên đều buông hết, sáu căn tịch tĩnh; lấy đến chỗ cùng cực thì chỉ còn giữ mỗi một niệm sáu chữ hồng danh. Niệm Phật như thế thì khác chi chẳng lấy, chẳng bỏ nên mới bảo là: *“Cũng chẳng sai khác gì”*. Hoặc như sách Di Đà Yêu Giải giải đáp: *“Ví như nếu chẳng từ Sự để lấy bỏ mà chỉ khẳng khẳng chẳng lấy chẳng bỏ thì là chấp Lý phé Sự. Đã phé Sự thì Lý cũng chẳng viên. Nếu thông đạt toàn Sự chính là Lý thì lấy cũng là Lý mà bỏ cũng là Lý. Một lấy, một bỏ, không chi chẳng phải là pháp giới”*. Sự thật mâu nhiệm như thế thật chẳng thể dùng tình chấp, kiến giải để lãnh hội nổi.

“Cầu sanh tịnh sát” (Cầu sanh sang cõi tịnh) là chí tâm tin ưa, nguyện sanh cõi Cực Lạc. Cầu được sanh như thế chính là đem một niệm tâm nguyện nhỏ nhiệm của ta gieo vào biển nguyện vô biên của

Phật Di Đà; đó cũng chính là đem cả biển nguyện Nhất Thừa vô biên ấy trút vào trong một niệm tâm nhỏ nhiệm của ta. Vì thế, mười niệm liền được sanh, có nguyện đều được thỏa mãn.

“*Thú Phật Bồ Đề*” (Hướng đến quả Bồ Đề của Phật) nghĩa là: Nhân là phát Bồ Đề tâm, quả là Bồ Xứ thành Phật, rốt ráo Bồ Đề. Cả sáu câu trên chính là tông chỉ của kinh này: Phát Bồ Đề tâm, nhất hướng chuyên niệm. Tu hành đúng theo tông chỉ ấy nên “*đương sanh Phật sát, vĩnh đắc giải thoát*” (sẽ được sanh về cõi Phật, vĩnh viễn được giải thoát).